

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT & XD
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

==&==

Số: 173/CBTT-LHC

"V/v Công bố thông tin Báo
Cáo tài chính quý 2 năm 2013"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

==&==

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 8 năm 2013

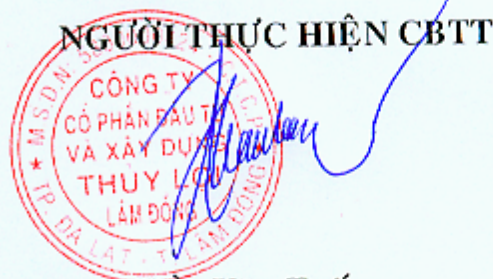
**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: **CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng**
2. Mã chứng khoán: **LHC**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **Số 68 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**
4. Điện thoại: **063 3821854** Fax: **063 3832542**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Hầu Văn Tuấn**
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý 2 năm 2013 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính quý 2 năm 2013 hợp nhất được lập ngày 10/8/2013, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm 2012: LNST tăng 586,8% so với cùng kỳ năm 2012 vì các lý do sau:
 - + Lợi nhuận thuần từ hoạt động Sản xuất kinh doanh chính quý 2 năm 2013 tăng 1,64 tỷ so với cùng kỳ năm 2012 (tăng 30 %) là do hợp nhất kết quả kinh doanh tháng 6 năm 2013 của Công ty con (CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng).
 - + Doanh thu hoạt động tài chính quý 2 năm 2013 giảm 2,354 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2012 nhưng Lợi nhuận khác tăng 23,867 tỷ đồng do hợp nhất vốn chủ sở hữu của Công ty con (CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng).
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.LHC.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.



Hầu Văn Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
(LHC)**

Nơi gửi:.....

THÁNG 08 NĂM 2013

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.112.356.483	104.221.895.338
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	43.798.963.195	26.418.888.041
1. Tiền	111		11.831.963.195	3.418.888.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.967.000.000	23.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2	80.182.334.185	70.229.663.873
1. Phải thu khách hàng	131		79.045.919.011	69.332.823.918
2. Trả trước cho người bán	132		5.403.733.740	1.092.205.840
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.233.497.306	679.479.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.500.815.872)	(874.844.885)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	40.164.533.016	6.932.302.870
1. Hàng tồn kho	141		40.849.740.755	6.932.302.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(685.207.739)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.966.526.087	641.040.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.299.627.328	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		47.882.888	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	619.015.871	641.040.554

(Phần tiếp theo ở trang 02)

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			200	200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			98.357.181.484	50.721.271.298
I. Các khoản phải thu dài hạn				
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	210		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	211		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	212		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	218		-	-
	219		-	-
	220		93.507.010.885	18.550.381.298
II. Tài sản cố định				
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	88.696.454.532	16.300.381.298
+ Nguyên giá	222		233.966.288.664	60.212.773.320
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.269.834.132)	(43.912.392.022)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	3.819.744.967	2.250.000.000
+ Nguyên giá	228		7.296.243.358	2.250.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.476.498.391)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	990.811.386	-
	240		-	-
III. Bất động sản đầu tư				
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
	250	5.9	-	32.170.890.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	32.170.890.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
	260		-	-
V. Lợi thế thương mại				
	270		4.850.170.599	-
VI. Tài sản dài hạn khác				
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.10	3.821.470.578	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		352.618.300	-
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.10	676.081.721	-
	280		264.469.537.967	154.943.166.636
TỔNG CỘNG TÀI SẢN				

NGUỒN VỐN		Th.	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mã số		minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ		300	84.650.399.694	78.597.375.497
I. Nợ ngắn hạn		310	84.580.399.694	78.597.375.497
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	-	-
2. Phải trả người bán		312	5.11 17.843.958.401	18.815.241.862
3. Người mua trả tiền trước		313	5.11 31.896.739.719	47.609.368.564
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	5.12 7.776.180.032	6.493.834.220
5. Phải trả người lao động		315	8.928.606.357	2.121.919.500
6. Chi phí phải trả		316	1.798.597.882	-
7. Phải trả nội bộ		317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	5.13 12.452.780.384	1.015.929.873
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	2.000.000.000	2.000.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	1.883.536.919	541.081.478
II. Nợ dài hạn		330	70.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc		336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ		339	70.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	108.151.189.355	76.345.791.139
I. Vốn chủ sở hữu		410	5.17 108.151.189.355	76.345.791.139
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	14.131.963.290	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ		414	-	(3.133.960.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	40.364.898.639	28.300.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	2.000.000.000	2.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		420	31.654.327.426	16.732.398.639
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		430	-	-
1. Nguồn kinh phí		432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		433	-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500	5.18 71.667.948.918	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	264.469.537.967	154.943.166.636

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		68.391,94	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 08 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01	6.1	47.417.842.831	22.141.670.320	78.429.247.737	45.516.063.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		54.950.346	-	54.950.346	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		47.362.892.485	22.141.670.320	78.374.297.391	45.516.063.195
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	35.875.670.322	17.020.879.727	61.520.965.608	38.501.335.663
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	20		11.487.222.163	5.120.790.593	16.853.331.783	7.014.727.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	344.772.951	2.638.144.403	794.659.285	7.604.714.865
7. Chi phí tài chính	22		139.928.492	141.797.020	226.407.760	315.809.933
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		137.075.252	141.797.020	202.565.366	315.809.933
8. Chi phí bán hàng	24		685.162.564	-	685.162.564	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.779.785.626	2.089.740.185	5.981.963.734	3.762.084.368
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-22-24-25)	30		7.227.118.432	5.587.397.791	10.754.457.010	10.541.548.096
11. Thu nhập khác	31	6.4	25.554.560.803	351.030	28.788.127.703	351.030
12. Chi phí khác	32		1.687.384.357	500.201	4.717.519.637	500.201
13. Lợi nhuận khác	40		23.867.176.446	(149.171)	24.070.608.066	(149.171)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	60		31.094.294.878	5.587.248.620	34.825.065.076	10.541.398.925
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.5	1.358.581.316	669.957.685	2.291.273.865	1.695.993.761
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		35.067.745	-	35.067.745	-
17. Lợi nhuận sau thuế	70		29.700.645.817	4.917.290.935	32.498.723.466	8.845.405.164
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		844.396.039	-	844.396.039	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		28.856.249.778	4.917.290.935	31.654.327.427	8.845.405.164
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	80		14.428	2.459	15.827	4.738

Lập biểu



NGUYỄN NGỌC DŨNG

Kế toán Trưởng



HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC



LÊ BÌNH HIẾN

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.825.065.075	10.541.398.925
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.636.700.677	3.557.600.557
Các khoản dự phòng	03		(271.540.789)	(4.879.430.000)
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.789.445.334)	(4.155.232.865)
Chi phí lãi vay	06		202.565.366	315.809.933
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		38.603.344.995	5.380.146.550
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.852.553.981)	30.649.467.438
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.126.114.246)	5.432.000.000
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(20.417.507.346)	(20.881.698.158)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.264.946.181)	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(202.565.366)	(315.809.933)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.423.246.886)	(2.218.504.054)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	47.085.500.000
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh			(77.005.160)	(45.065.882.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			4.239.405.829	20.065.219.843
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.011.121.682)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.233.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.958.166.098
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.303.870.000)	(6.007.570.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.397.483.902
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.601.087.919	1.197.066.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.480.267.399)	1.545.146.767

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.818.570.790	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13.985.555.107	8.548.549.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.985.555.107)	(18.387.318.660)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.296.312.500)	(4.665.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(477.741.710)	(14.503.769.660)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(7.718.603.280)	7.106.596.950
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51.517.566.475	3.382.471.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		43.798.963.195	10.489.068.195

Lập biểu

NGUYỄN NGOC DUNG

Kế toán Trưởng

HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở được đặt tại 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Công ty có một Công ty con là Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	17B Phù Đồng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt	51,49%	51,49%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THÙY LỜI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Cây lâu năm và tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07 năm
+ Tài sản cố định vô hình	17 - 26 năm

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- = Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	835.837.937	55.878.996
Tiền gửi ngân hàng	10.996.125.258	3.363.009.045
Các khoản tương đương tiền	31.967.000.000	23.000.000.000
Tổng cộng	43.798.963.195	26.418.888.041

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LÒI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	79.045.919.011	69.332.823.918
Trả trước cho người bán	5.403.733.740	1.092.205.840
Các khoản phải thu khác	5.233.497.306	679.479.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	89.683.150.057	71.104.508.758
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.500.815.872)	(874.844.885)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	80.182.334.185	70.229.663.873

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng mãng xây lắp	4.425.873.866	-
Phải thu cho vay	450.500.000	679.479.000
Khác	357.123.440	-
Cộng	5.233.497.306	679.479.000

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.308.686.865	8.639.000
Công cụ, dụng cụ	709.705.144	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.254.834.073	6.923.663.870
Thành phẩm	15.160.446.889	-
Hàng hóa	1.416.067.784	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	40.849.740.755	6.932.302.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(685.207.739)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	40.164.533.016	6.932.302.870

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa máy	699.510.733	-
Chi phí bốc phủ	384.948.417	-
Khác	215.168.178	-
Tổng cộng	1.299.627.328	-

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình								
Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng	
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	1.569.266.331	54.022.421.700	4.050.527.468	570.557.821			60.212.773.320	
Mua trong kỳ	-	8.770.296.353	-	126.690.909	-	-	8.896.987.262	
Tặng khác	52.362.146.227	99.327.568.850	28.108.253.988	1.740.080.645	520.611.939	316.407.819	182.375.069.468	
Thanh lý, nhượng bán	(2.695.451.781)	(7.755.973.504)	(768.321.437)	(176.421.333)	-	-	(11.396.168.055)	
Giảm khác	(716.981.291)	(2.903.885.226)	(1.081.067.781)	(1.420.439.033)	-	-	(6.122.373.331)	
Số dư cuối kỳ	50.518.979.486	151.460.428.173	30.309.392.238	840.469.009	520.611.939	316.407.819	233.966.288.664	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	790.689.890	39.453.519.295	3.178.648.293	489.534.544	-	-	43.912.392.022	
Khấu hao trong kỳ	21.142.356	3.666.819.498	393.356.430	45.362.626	-	-	4.126.680.910	
Tặng khác	29.123.284.267	61.967.513.221	14.119.525.770	1.507.780.702	349.549.767	273.282.695	107.340.936.422	
Khấu hao trong kỳ	(2.049.765.455)	(4.079.929.938)	(480.467.650)	(176.421.333)	-	-	(6.786.584.376)	
Giảm khác	(455.514.510)	(1.439.624.840)	(204.150.530)	(1.224.300.966)	-	-	(3.323.590.846)	
Số dư cuối kỳ	27.429.836.548	99.568.297.236	17.006.912.313	641.955.573	349.549.767	273.282.695	145.269.834.132	
Tại ngày đầu năm	25.298.460.359	51.362.432.394	8.875.574.445	315.345.687	201.866.538	51.754.210	86.105.433.633	
Tại ngày cuối kỳ	23.089.142.938	51.892.130.937	13.302.479.925	198.513.436	171.062.172	43.125.124	88.696.454.532	

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.242.172.509 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Hệ thống QL chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hầm mỏ	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	2.250.000.000	-	-	2.250.000.000
Tăng trong kỳ	511.293.275	1.634.797.000	463.300.000	2.528.795.098	5.138.185.373
Giảm trong kỳ	(65.442.015)	(26.500.000)	-	-	(91.942.015)
Số dư cuối kỳ	445.851.260	3.858.297.000	463.300.000	2.528.795.098	7.296.243.358
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	431.993.275	1.120.786.000	64.939.268	1.940.784.357	3.558.502.900
Giảm trong kỳ	(65.442.015)	(16.562.494)	-	-	(82.004.509)
Số dư cuối kỳ	366.551.260	1.104.223.506	64.939.268	1.940.784.357	3.476.498.391
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	2.250.000.000	-	-	2.250.000.000
Tại ngày cuối kỳ	79.300.000	2.754.073.494	398.360.732	588.010.741	3.819.744.967

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.606.384.260 đồng

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Lắp đặt bồn dầu Camly	104.782.818	-
Xây dựng văn phòng Công ty	605.077.628	-
Đền bù mỏ Nthôn Hạ	127.025.250	-
Hạng mục khác	153.925.690	-
Tổng cộng	990.811.386	-

5.9. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ cho Quỹ bảo vệ môi trường cho việc khai thác mỏ

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	17.843.958.401	18.815.241.862
Người mua trả tiền trước	31.896.739.719	47.609.368.564
Tổng cộng	49.740.698.120	66.424.610.426

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.659.161.287	3.936.138.534
Thuế xuất nhập khẩu	19.615.644	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.593.225.867	2.450.314.007
Thuế thu nhập cá nhân	39.822.600	9.702.000
Thuế tài nguyên	414.301.134	95.207.679
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.275.000	2.472.000
Các loại thuế khác	45.778.500	-
Tổng cộng	7.776.180.032	6.493.834.220

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương còn phải trả cho nhân viên Công ty.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	840.458.905	247.929.873
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	263.630.862	-
Phải trả cổ tức năm 2012	4.078.750.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.269.940.617	768.000.000
Tổng cộng	12.452.780.384	1.015.929.873

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc chủ sở hữu	LN sau thuế chưa PP	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	12.447.352.500	(3.133.960.000)	23.700.000.000	11.552.749.714	64.566.142.214
Lãi trong năm	-	-	-	-	21.399.898.639	21.399.898.639
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(9.335.000.000)	(9.335.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.600.000.000	(6.885.249.714)	(285.249.714)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	(3.133.960.000)	30.300.000.000	16.732.398.639	76.345.791.139
Tăng vốn trong năm	-	1.684.610.790	3.133.960.000	-	-	4.818.570.790
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	31.654.327.426	31.654.327.426
Trích quỹ	-	-	-	12.064.898.639	(12.064.898.639)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.667.500.000)	(4.667.500.000)
SD cuối năm	20.000.000.000	14.131.963.290	-	42.364.898.639	31.654.327.426	108.151.189.355

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của cá nhân

5.14.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	(133.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.000.000	1.867.000

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	31.654.327.426	8.845.405.164
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	2.000.000	1.867.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	15.827	4.738

5.15. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	-	-
Biến động lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	70.860.014.183	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	807.934.735	-
Số dư cuối kỳ	71.667.948.918	-

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu thi công công trình thủy lợi	31.415.668.410	22.135.674.869
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.001.818	5.995.451
Doanh thu khai thác khoán sản và VLXD	15.937.222.257	-
Doanh thu thuần	47.362.892.485	22.141.670.320

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thi công thủy lợi	25.716.898.044	17.020.879.727
Giá vốn hoạt động khai thác khoán sản và VLXD	10.158.772.278	-
Cộng	35.875.670.322	17.020.879.727

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	344.772.951	190.758.003
Lãi bán cổ phiếu	-	2.507.386.400
Tổng cộng	344.772.951	2.698.144.403

6.4. Thu nhập khác

Là khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư vào Công ty Khai Thác Khoán Sắn và VLXD Lâm Đồng

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	31.094.294.878
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(25.519.698.637)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.574.596.241
<i>Thuế suất</i>	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.393.649.060
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.067.745
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	1.358.581.315

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trong nước và nước ngoài phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như :

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa
- Khai thác và chế biến cao lanh
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực
- Sản xuất gạch Tuynel

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 :

Chỉ tiêu	Thị công cộng trình thủy lợi	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gồm sử chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, Bê tông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	31.436.456.593	2.991.586.328	2.047.589.208	4.758.657.484	3.742.433.805	7.679.330.330	(5.293.161.263)	47.362.892.485
GVHB	25.716.898.044	2.579.334.382	1.499.781.406	3.864.082.429	2.520.008.646	5.126.159.878	(5.430.594.463)	35.875.670.322
Lãi gộp	5.719.558.549	412.251.946	547.807.802	894.575.055	1.222.425.159	2.553.170.452	137.433.200	11.487.222.163
Chi phí bán hàng	-	47.924.207	91.980.636	49.490.624	68.832.226	423.938.512	2.996.359	685.162.564
Chi phí QLDN	2.455.719.912	262.561.198	248.904.304	718.801.146	257.804.642	185.231.736	(349.237.312)	3.779.785.626
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	3.263.838.637	101.766.541	206.922.862	126.283.285	895.788.291	1.944.000.204	483.674.153	7.022.273.973
Doanh thu tài chính	178.502.393	1.274.835.087	6.051	86.423.214	33.747	12.069	(1.195.039.610)	344.772.951
Chi phí tài chính	137.075.252	2.850.571	1.096	-	1.573	-	-	139.928.492
Lợi nhuận HĐ tài chính	41.427.141	1.271.984.516	4.955	86.423.214	32.174	12.069	(1.195.039.610)	204.844.459
Thu nhập khác	210.030	22.835.000	5.854.300	1.345.636	4.687.200	-	25.519.628.637	25.554.560.803
Chi phí khác	40	14.539.209	971.891.490	21.183.339	679.770.279	-	-	1.687.384.357
Lợi nhuận khác	209.990	8.295.791	(966.037.190)	(19.837.703)	(675.083.079)	-	25.519.628.637	23.867.176.446
Tổng lợi nhuận trước thuế	3.305.475.768	1.382.046.848	(759.109.373)	192.868.796	220.737.396	1.944.012.273	24.808.263.180	31.094.294.878
Chi phí thuế TNDN	826.368.942	(3.234.765.101)	-	66.768.861	475.763.655	2.760.481.486	463.963.473	1.358.581.316
Chi phí thuế hoãn lại	-	35.067.745	-	-	-	-	-	35.067.745
Lợi nhuận sau thuế	2.479.106.826	4.581.744.204	(759.109.373)	126.099.935	(255.026.269)	(816.469.213)	24.344.299.707	29.700.645.817
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	844.396.039	-	-	-	-	-	844.396.039
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng cty mẹ	<u>2.479.106.826</u>	<u>3.737.348.165</u>	<u>(759.109.373)</u>	<u>126.099.935</u>	<u>(255.026.269)</u>	<u>(816.469.213)</u>	<u>24.344.299.707</u>	<u>28.856.249.778</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XD THỦY LỢI LÂM ĐỒNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Khai thác khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị công ty mẹ	81.900.000	62.400.000
Lương Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ	228.000.000	202.018.000
Tổng cộng	309.900.000	264.418.000

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2013.

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN NGỌC DŨNG

HẦU VĂN TUẤN

LÊ ĐÌNH HIỂN